

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 83/2024/HS-ST

Ngày 04 - 6 - 2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Toàn và bà Đặng Thị Việt Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 79/2023/TLST-HS ngày 10/5/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/QĐXX-HS ngày 23/5/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Mạnh L**, sinh ngày 14/4/1996, nơi sinh: Tỉnh Thái Bình; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 01/05, ngõ 466, đường B, tổ 01, phường Q, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Lang thang, không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N1 và bà Phạm Thị N; chưa có vợ, con; tiền án: Bản án số 141/2022/HSST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội Cố ý gây thương tích, ngày 20/6/2023 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, ngày 11/11/2022 bị cáo nộp xong 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/02/2024 đến nay, trích xuất có mặt.

*** Bị hại:**

- Bà Bùi Thị H, sinh năm 1958;

Nơi cư trú: Số nhà 17, ngõ 306 đường T, tổ 1, phường Q, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, (vắng mặt);

- Bà Tống Thị Đ, sinh năm 1962 và anh Bùi Văn H1, sinh năm 1999, đều cư trú: Số nhà 12, ngõ 466, đường B, tổ 01, phường Q, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, (đều có mặt).

* Người làm chứng:

- Chị Hồ Thị Hồng D, sinh năm 1991, nơi cư trú: Ngõ 76, phường Y, quận Ô, thành phố Hà Nội, (vắng mặt).

- Chị Phạm Thị N, sinh năm 1974, nơi cư trú: Tổ 2, phường I, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, (có mặt).

- Anh Tô Hoàng A, sinh năm 2003, nơi cư trú: Thôn G, xã M, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên bị cáo Trần Mạnh L đi lang thang trên địa bàn thành phố Thái Bình với mục đích gia đình nào có sơ hở sẽ trộm cắp tài sản. Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 24/02/2024, bị cáo L đi đến khu vực ngõ 306, đường T, tổ 01, phường Q, thành phố Thái Bình. Bị cáo L quan sát thấy số nhà 17, ngõ 306 là nhà của bà Bùi Thị H, khóa cửa, không có ai ở trong nhà nên bị cáo trèo qua cổng rồi trèo lên ban công tầng 2 nhà bà H, bị cáo cạy vỡ tấm kính cửa ra vào ban công, dùng tay phải luồn qua ô kính vỡ rút then cửa cài bên trong mở cửa đi vào trong nhà, thấy trên bàn thờ có số tiền 1.500.000 đồng gồm 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 10 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng bị cáo đã lấy toàn bộ số tiền này cho vào túi áo khoác bên phải đang mặc rồi đi xuống tầng 01 nhưng không lấy thêm được tài sản gì nên quay lại tầng 2 trèo qua lan can đi ra ngoài theo lối cũ. Bị cáo đi bộ vào ngõ 466, đường B, tổ 01, phường Q, thành phố Thái Bình, quan sát thấy số nhà 12 (là nhà bà Tống Thị Đ) có cụ Nguyễn Thị T1 (là mẹ chồng của bà Đ) đang ngồi trong nhà. Lợi dụng lúc cụ T1 không để ý, bị cáo lén lút đi vào cửa chính rồi đi lên tầng 02 đi đến tủ gỗ đựng quần áo, bị cáo mở cánh tủ tìm thấy bên trong có một con lợn nhựa màu hồng, kích thước (20 x25)cm của anh Bùi Văn H1 (con trai bà Tống Thị Đ) dùng để đựng tiền tiết kiệm, bị cáo phát hiện thấy bên trong có tiền, bị cáo cầm lấy con lợn nhựa và tiếp tục lục tìm trong các túi quần, áo, thấy có 01 chiếc ví bằng vải của bà Tống Thị Đ, bị cáo cầm chiếc ví và con lợn nhựa đi lên tầng 03 vào phòng bếp lấy 01 con dao rạch con lợn nhựa lấy số tiền 10.500.000 đồng và mở ví lấy số tiền 3.000.000 đồng, rồi cho toàn bộ số tiền trên vào túi áo khoác bên phải đang mặc đi xuống tầng 01 của ngôi nhà rồi đi ra ngoài. Sau khi đã trộm cắp được tiền, bị cáo đi về nhà mẹ đẻ là bà Phạm Thị N, trú tại tổ 02, phường I, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, bị cáo lấy toàn bộ số tiền vừa trộm cắp ra đếm được 15.000.000 đồng.

Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo Trần Mạnh L bắt taxi sang chi nhánh Ngân hàng TMCP Quân Đội, địa chỉ: Đường O, phường O, thành phố Thái Bình, để chuyển tiền vừa trộm cắp được vào số tài khoản 0967956XXX của bị cáo L mở tại Ngân hàng TMCP Quân Đội, mục đích để nạp tiền chơi game. Khi đến nơi Ngân hàng đã đóng cửa, bị cáo quan sát thấy anh Tô Hoàng A đang rút

tiền trong cây ATM nên bị cáo nói với anh Tô Hoàng A “anh có tiền trong tài khoản không, anh chuyển vào tài khoản cho em 14.000.000 đồng, em trả tiền mặt cho anh”. Anh Tô Hoàng A đồng ý nên chuyển số tiền 14.000.000 đồng từ số tài khoản 912345609YYY mở tại Ngân hàng VPBank, mang tên Tô Hoàng A đến số tài khoản 0967956XXX mở tại Ngân hàng MB Bank, mang tên Trần Mạnh L. Khi đã nhận đủ tiền, bị cáo L chuyển toàn bộ số tiền này vào tài khoản game của bị cáo rồi trả cho anh Tô Hoàng A 14.000.000 đồng tiền mặt. Sau đó, bị cáo L đi về nhà bà Phạm Thị N, sử dụng điện thoại Iphone 12 Promax, màu xám nâu đăng nhập vào ứng dụng game có tên đăng nhập là Longtam1996, mật khẩu đăng nhập là Long 14041996 để chơi game đánh bạc xóc đĩa và bắn cá được thua bằng tiền, quá trình chơi game bị cáo bị thua hết toàn bộ số tiền 14.000.000 đồng, bị cáo đã xóa toàn bộ tài khoản game và ứng dụng game. Số tiền 1.000.000 đồng còn lại, bị cáo sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của mình như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Bị cáo không có khiếu nại gì về hành vi và quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị hại: Bà Tống Thị Đ, bà Bùi Thị H, anh Bùi Văn H1 đã khai bị mất trộm tài sản ngày 24/02/2024 phù hợp với lời khai của bị cáo.

Bản cáo trạng số: 87CT-VKSTP ngày 09/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Trần Mạnh L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên luận tội: Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án và giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời phân tích nguyên nhân, điều kiện phạm tội, đánh giá chứng cứ xác định có tội, không có chứng cứ xác định vô tội, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở đó giữ nguyên quan điểm truy tố theo cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Mạnh L phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Mạnh L từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, thời thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 29/02/2024.
3. Về trách nhiệm dân sự: Bà Bùi Thị H không yêu cầu bị cáo L bồi thường cho bà H số tiền 1.500.000 đồng và tiền khắc phục sửa chữa tấm kính cửa nhà của tầng 02, bà H cho lại bị cáo nên không phải giải quyết việc bồi thường cho bà H. Buộc bị cáo L có nghĩa vụ bồi thường cho bà Tống Thị Đ số tiền 3.000.000 đồng và anh Bùi Văn H1 số tiền 10.500.000 đồng.

4. Về vật chứng:

- 01 áo khoác dài tay bằng vải liền mũ màu đen - trắng, kích thước (95x55cm); 01 quần nỉ màu đen, cạp chun có dây buộc màu trắng, kích thước chiều dài 97cm, quần lý của bị cáo L. Xét không còn giá trị sử dụng và bị cáo không có nguyện vọng xin lại nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- 01 con lợn nhựa màu hồng có kích thước (24x20x18)cm đã cũ, rách do bà Tống Thị Đ giao nộp, xét không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, màu xám, số máy MGD73VN/A, của bị cáo L do bà Phạm Thị N (mẹ bị cáo L) giao nộp, xét không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

Bị cáo Trần Mạnh L xác định cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên bị cáo không trình bày lời bào chữa, không trình bày ý kiến tranh luận về tội danh và mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng là đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Các tài liệu, chứng cứ do Điều tra viên và Kiểm sát viên thu thập trong quá trình điều tra vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và đó là các tài liệu, chứng cứ hợp pháp chứng minh cho hành vi phạm tội của bị cáo. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên bị cáo không khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và các cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Căn cứ kết tội bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với Cáo trạng đã truy tố, đồng thời còn phù hợp với: Lời khai của các bị hại; Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh lập ngày 28/02/2024; Kết luận giám định số 398/KL-KTHS ngày 04/4/2024; lời khai của những người làm chứng; cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án chứng minh về hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng từ 13 giờ 30 phút đến 14 giờ 30 phút ngày 24/02/2024 tại nhà bà Bùi Thị H, sinh năm 1958 trú tại số nhà 17, ngõ 306, đường T và nhà bà Tống Thị Đ, sinh năm 1962 trú tại số nhà 12, ngõ 466, đường B đều thuộc tổ 01, phường Q, thành phố Thái Bình, Trần Mạnh L đã thực hiện hành vi trộm cắp 1.500.000 đồng của

bà Bùi Thị H; số tiền 10.500.000 đồng của anh Bùi Văn H1 và 3.000.000 đồng của bà Tống Thị Đ để chơi game và tiêu sài cá nhân. Tổng số tiền Trần Mạnh L đã trộm cắp là 15.000.000 đồng. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, đã bị Tòa án xét xử áp dụng hình phạt, lẽ ra bị cáo phải nhận thức rõ không ai có quyền chiếm đoạt tài sản hợp pháp của người khác, mọi hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách bất hợp pháp đều bị xử lý, tuy nhiên do muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không mất sức lao động nên với thủ đoạn lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của các bị hại trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Xét hành vi của bị cáo phù hợp với dấu hiệu cấu thành cơ bản của tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Điều 173 - Tội trộm cắp tài sản: *“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) ...”*. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và Điều luật là có căn cứ, đúng pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy là nguy hiểm cho xã hội, vì hành vi đó đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Điều đó gây ra tâm lý hoang mang cho các bị hại, tạo lên dư luận xấu và gây mất trật tự trị an trong xã hội. Xét nguyên nhân và điều kiện thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo là mong muốn có được tài sản mà không mất công sức lao động nên bị cáo không tuân thủ pháp luật, vì vậy cần xét xử bị cáo nghiêm minh.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy, ngày 20/6/2023 bị cáo L vừa mới chấp hành xong hình phạt 01 năm tù của của Bản án số 141/2022/HSST ngày 29/9/2022 của TAND thành phố Thái Bình, chưa được xóa án thì đến ngày 24/02/2024 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên xét xử về hành vi này bị cáo bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; song, cũng xét bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo nên khi quyết định hình phạt bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm. hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra là phạt tù có thời hạn, buộc bị cáo cách ly ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có việc làm và không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

[7.1] Bà Bùi Thị H không yêu cầu bị cáo L phải bồi thường cho bà H số tiền 1.500.000 đồng và tiền sửa chữa tấm kính cửa tầng 02 do bị cáo L làm vỡ, bà H cho lại bị cáo nên không phải giải quyết trách nhiệm bồi thường cho bà H tại bản án này.

[7.2] Bà Tống Thị Đ yêu cầu bị cáo L bồi thường cho bà Đ số tiền 3.000.000 đồng và anh Bùi Văn H1 yêu cầu Long bồi thường cho anh H1 số tiền 10.500.000 đồng. Xét yêu cầu bồi thường của bà Đ, anh H1 là chính đáng nên buộc bị cáo L có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ số tiền trên cho bà Đ và anh H1.

[8] Về vật chứng:

[8.1] 01 áo khoác dài tay bằng vải liền mũ màu đen - trắng, 01 quần dài nỉ màu đen quản lý của bị cáo L. Xét không còn giá trị sử dụng và bị cáo không có nguyện vọng xin lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8.2] 01 con lợn nhựa màu hồng có kích thước (24x20x18) cm đã cũ, rách do bà Tống Thị Đ giao nộp, xét không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8.3] 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, màu xám, số máy MGD73VN/A, thuộc quyền sử dụng của bị cáo L do bà Phạm Thị N giao nộp. Xét điện thoại này không liên quan đến hành vi phạm tội, bị cáo khai bị cáo sử dụng để chơi game bắn cá, xóc đĩa nhưng cơ quan điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ về hành vi này của bị cáo, do đó cần trả lại điện thoại cho bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo Trần Mạnh L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

[11] Đối với anh Tô Hoàng A khi được bị cáo L nhờ chuyển tiền, anh Tô Hoàng A không biết số tiền mặt bị cáo L đưa cho anh là tiền do bị cáo trộm cắp mà có, do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ xử lý đối với anh Tô Hoàng A là phù hợp. Số tiền này, anh Hoàng Anh đã sử dụng chi tiêu hết nên cơ quan điều tra không thu hồi lại được nên không có hình thức xử lý số tiền mặt này.

[12] Bị cáo Trần Mạnh L còn khai nhận sau khi đổi tiền và nhận lại số tiền 14.000.000 đồng do anh Tô Hoàng A chuyển vào thẻ cho bị cáo L, bị cáo đã sử dụng chiếc điện thoại Iphone 12 promax, màu xám để chơi đánh bạc bằng hình thức chơi game bắn cá, xóc đĩa và đã thua hết số tiền trên. Sau khi thua hết tiền bị cáo L đã xóa toàn bộ tài khoản game và ứng dụng game trên máy điện thoại di động. Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu được giữ liệu liên quan đến hành vi này nên không có căn cứ để xử lý bị cáo L về hành vi đánh bạc trên mạng Internet.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Điều 589 Bộ luật Dân sự; Áp dụng các Điều 106; Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

2. Tuyên bố bị cáo Trần Mạnh L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Mạnh L 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 29/02/2024.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Mạnh L có nghĩa vụ bồi thường cho bà Tống Thị Đ, sinh năm 1962, số tiền 3.000.000 đồng và anh Bùi Văn H1, sinh năm 1999, số tiền 10.500.000 đồng; bà Đ và anh H1 đều cư trú: Số nhà 12, ngõ 466, đường B, tổ 01, phường Q, thành phố Thái Bình. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan có quyền thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phải thi hành theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 áo khoác dài tay bằng vải liền mũ màu đen - trắng và 01 quần dài nỉ màu đen quản lý của bị cáo Trần Mạnh L; 01 con lợn nhựa màu hồng có kích thước (24x20x18) cm đã cũ, rách do bà Tống Thị Đ giao nộp.

- Trả lại cho bị cáo Trần Mạnh L 01 điện thoại hiệu Iphone 12 Promax, màu xám, số máy MGD73VN/A.

Vật chứng có đặc điểm như ghi tại: Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử ngày 24/02/2024; Biên bản giao vật chứng, tài sản ngày 09/5/2024, giữa Công an thành phố Thái Bình và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình.

6. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Mạnh L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 675.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Án tuyên công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, bà Đ, anh H1, báo cho biết có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/6/2024. Vắng mặt bà H, báo cho biết có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

8. Quyền thi hành: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- VKS tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hân

